

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2017/HNGĐ-PT

Ngày: 31/8/2017

V/v tranh chấp “Xin ly hôn và chia
tài sản chung của vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Lâm Sơn

Các Thẩm phán: - Ông Phạm Đình Thi

- Bà Nguyễn Thị Nhiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông Chiêm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2017/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2017, về tranh chấp “Xin ly hôn và chia tài sản chung của vợ chồng”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 33/2017/HNGĐ-ST ngày 05/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 138/2017/QĐ-PT ngày 17 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phù S, sinh năm 1969 (Vắng mặt);

- *Bị đơn:* Ông Ngô Hồng C, sinh năm 1958 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. NLQ1 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn L, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

2. NLQ2, sinh năm 1932 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

3. NLQ3, sinh năm 1973 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp S, xã D, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

4. NLQ4, sinh năm 1947 (Vắng mặt);

5. NLQ5 (Vắng mặt);

6. NLQ6, sinh năm 1969 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

- *Người kháng cáo*: Ông Ngô Hồng C - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn bà Phù S trình bày*: Bà và ông Ngô Hồng C chung sống với nhau từ năm 1988 và có đăng ký kết hôn, được UBND xã A cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 1988. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn rất trầm trọng, ông C thường xuyên đánh đập và đuổi bà ra khỏi nhà, ông C nhiều lần hứa sẽ thay đổi nhưng vẫn không thay đổi. Bà và ông C ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Nay bà có yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với Ông Ngô Hồng C.

- Về con chung: Bà và ông C có 03 người con chung gồm:

+ Ngô Phù Thanh P, sinh năm 1992;

+ Ngô Phù Thanh T, sinh ngày 31/01/1996;

+ Ngô Phù Thanh V, sinh ngày 18/10/1998.

Hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung:

+ 01 diện tích đất ngang trước 13,5m, ngang hậu 12m, dài 80m, trên đất có nhà ở và 06 căn nhà trọ và 01 căn nhà đã cũ (tạm). Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ 01 chiếc xe Wave biển kiểm soát 68M1-7911 và 01 chiếc xe Air-Blade biển kiểm soát 68K4-5847 và 01 chiếc xe Wave ông C đã bán.

Tại đơn khởi kiện bà yêu cầu chia đôi tài sản chung nhưng tại phiên tòa hôm nay bà xin rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung.

- Về nợ chung:

+ Nợ NLQ1 số tiền 28.000.000 đồng, hiện nay vẫn đang đóng lãi.

+ Nợ NLQ2 5 chỉ vàng 24k.

+ Nợ NLQ3 20.000.000 đồng.

Bà yêu cầu chia đôi nợ để trả.

* *Bị đơn Ông Ngô Hồng C trình bày*: Ông thống nhất với lời trình bày của bà S về năm kết hôn, có đăng ký kết hôn nhưng ông đã đốt giấy chứng nhận kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà S ngoại tình bỏ theo người khác nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, có lần khi mâu thuẫn thì có xảy ra xô xát với nhau,

khoảng đầu năm 2012 bà S bỏ đi theo người đàn ông khác sau đó trở về nhà rồi lại đi. Nay ông có yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Ông không đồng ý ly hôn với bà S.

- Về con chung: có 03 người con chung gồm:

+ Ngô Phù Thanh P, sinh năm 1992

+ Ngô Phù Thanh T, sinh ngày 31/01/1996

+ Ngô Phù Thanh V, sinh ngày 18/10/1998

Hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống ông và bà S có tài sản sau:-

+ 01 diện tích đất ngang trước 13,5m, ngang hậu 12m, dài 80m, trên đất có nhà ở và 06 căn nhà trọ và 01 căn nhà đã cũ (tạm). Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông không đồng ý chia mà muốn để lại cho 03 người con.

+ 02 chiếc xe Wave (đã bán 01 chiếc) và 01 chiếc xe Air-Blade.

Tại phiên tòa ông C thống nhất việc rút yêu cầu chia tài sản chung của bà S.

- Về nợ chung: Ông C thừa nhận nợ chung của vợ chồng gồm: Nợ của NLQ3 20.000.000 đồng, tại phiên tòa ông C không đồng ý trả số tiền này. Nợ của NLQ1 02 gói, 01 gói khoảng 20.000.000 đồng và 01 gói khoảng 12.000.000 đồng hiện nay vẫn đang đóng lãi (có lời khai là vay 03 gói khoản 28.000.000 đồng). Ông C không thừa nhận nợ NLQ2 5 chỉ vàng 24k. Ngoài ra ông C khai vợ chồng còn nợ Ngô Học Viện 5.000.000 đồng, Ngô Văn Lộc 8.000.000 triệu đồng, Ngô Văn Luật 35.000.000 đồng.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

- *Tại văn bản ý kiến ngày 17/3/2017 của NLQ1 trình bày:* Bà S và ông C còn nợ tiền của NLQ1 tuy nhiên bà S ông C chưa vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên NLQ1 không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này và yêu cầu Tòa án hòa giải và xét xử vắng mặt.

- *NLQ2 trình bày:* Tại đơn yêu cầu độc lập NLQ2 khai vợ chồng bà S ông C có mượn bà 5 chỉ vàng 24kra bà yêu cầu vợ chồng bà S trả số tiền này, tuy nhiên ngày 18/6/2015 NLQ2 có đơn xin rút yêu cầu độc lập và có đơn xin tòa án hòa giải và xét xử vắng mặt.

- *NLQ3 trình bày:* Vào năm 2011 bà S và ông C có vay của bà số tiền 20.000.000 đồng, bà yêu cầu bà S và ông C trả số tiền này cho bà, không yêu cầu tính lãi. NLQ3 yêu cầu Tòa án hòa giải và xét xử vắng mặt.

- *Tại Biên bản lấy lời khai ngày 26/01/2015 NLQ4 trình bày:* Vào năm 2013 ông C vay của ông số tiền 5.000.000 đồng vay để chăn nuôi và lo cho con đi học. Ngày 26/01/2015 NLQ4 có đơn yêu cầu ông C bà S trả số tiền 5.000.000 đồng, tuy nhiên, khi Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí

cho ông nhưng ông vẫn không nộp tiền theo quy định. NLQ4 xin hòa giải và xét xử vắng mặt.

- *Tại Biên bản lấy lời khai ngày 06/02/2015 NLQ5 trình bày:* vào tháng 12/2012 (âm lịch) ông C vay của ông số tiền 8.000.000 đồng để chăn nuôi và lo cho con đi học. Ngày 06/01/2015 NLQ5 có đơn yêu cầu ông C bà S trả số tiền 8.000.000 đồng, tuy nhiên, khi Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí cho ông nhưng ông vẫn không nộp tiền theo quy định. NLQ5 xin hòa giải và xét xử vắng mặt.

- *Tại Biên bản lấy lời khai ngày 27/01/2015 NLQ6 trình bày:* vào năm 2011 ông cho ông C vay 30.000.000 đồng sau đó ông C trả còn nợ lại 10.000.000 đồng, đến tháng 5 năm 2013 ông tiếp tục cho ông C vay 25.000.000 đồng, mục đích vay là để chăn nuôi heo. Như vậy, ông C vẫn còn nợ ông 35.000.000 đồng từ khi vay cho đến nay. Ngày 27/01/2015 NLQ6 có đơn yêu cầu ông C, bà S trả số tiền 35.000.000 đồng, tuy nhiên, khi Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí cho ông nhưng ông vẫn không nộp tiền theo quy định. NLQ6 xin hòa giải và xét xử vắng mặt.

* Tại bản án sơ thẩm số 33/2017/HNGĐ-ST ngày 05/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện K đã quyết định:

- Không công nhận bà Phù S và Ông Ngô Hồng C là vợ chồng.

+ Về con chung: Do các con đã thành niên và không bị mất năng lực hành vi dân sự nên không xem xét.

+ Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của bà Phù S.

+ Nợ chung: Chấp nhận yêu cầu của NLQ3.

- Buộc bà Phù S trả cho NLQ3 10.000.000 đ (Mười triệu đồng), buộc Ông Ngô Hồng C trả cho NLQ3 10.000.000 đ (Mười triệu đồng).

- Đình chỉ yêu cầu độc lập của NLQ2.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí thẩm định và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

* Ngày 11/5/2017 Ông Ngô Hồng C có đơn kháng cáo không đồng ý trả số tiền 10.000.000 đồng cho NLQ3. Bà S phải có trách nhiệm trả cho NLQ3 20.000.000 đồng, vì ông có trách nhiệm trả nợ cho ông việc, NLQ5, NLQ6 tổng cộng 48.000.000 đồng và đầu năm 2015 ông có đưa cho bà S 04 chỉ vàng 24kra để trả nợ. Ngoài ra, bà S phải trả hộ khẩu cho ông C để ông tách hộ khẩu, vì bà S đang giữ sổ hộ khẩu.

Xét về thủ tục tố tụng, phía nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có đơn kháng cáo nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang có ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và những người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi

thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm và hủy một phần yêu cầu độc lập của NLQ3 đối với bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện K.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét nội dung kháng cáo của ông C về việc ông không đồng ý trả khoản nợ chung của vợ chồng cho NLQ3 số tiền 20.000.000 đồng, trong đó, phần ông phải trả 10.000.000 đồng với lý do ông phải trả các khoản nợ chung của vợ chồng cho các anh em của ông. Hội đồng xét xử xét về khoản nợ chung của vợ chồng đối với NLQ3 số tiền 20.000.000 đồng, phía NLQ3 đã có yêu cầu khởi kiện độc lập và đã đóng tiền tạm ứng án phí. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm NLQ3 có đơn xin xét xử vắng mặt và có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập ngày 28/8/2017 đối với khoản nợ 20.000.000 đồng mà vợ chồng ông S, bà S nợ NLQ3. Xét việc rút đơn của NLQ3 là hoàn toàn tự nguyện và được phía ông C, bà S đồng ý.

Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm ông C có đơn đề ngày 28/8/2017 xin rút đơn kháng cáo và yêu cầu Tòa án đình chỉ việc kháng cáo của ông đối với số tiền 20.000.000 đồng mà vợ chồng ông đã nợ NLQ3. Xét việc rút đơn của ông C là hoàn toàn tự nguyện và cũng được bà S, NLQ3 đồng ý.

Cho nên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận quan điểm đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát là đình chỉ xét xử phúc thẩm và hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu độc lập của NLQ3.

Về án phí phúc thẩm: Buộc ông C phải nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 202, 289, 296, 299, 311 và 312 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Áp dụng Điều 9, 14, 37, 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 302, 305, 474 Bộ luật dân sự 2005; Điều 29 và Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:
- Đình chỉ xét xử phúc thẩm.

- Hủy một phần bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm đối với yêu cầu độc lập của NLQ3 về số tiền nợ chung 20.000.000 đồng của vợ chồng ông Ngô Hồng C và bà Phù S.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Phù S và ông Ngô Hồng C là vợ chồng.

2. Về con chung: Do các con đã thành niên và không bị mất năng lực hành vi dân sự nên Tòa án không xem xét.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của bà Phù S.

4. Về nợ chung: NLQ3 đã rút yêu cầu độc lập nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét.

5. Đình chỉ yêu cầu độc lập của NLQ2.

6. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Bà Phù S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình không giá ngạch bằng 200.000 đồng, khấu trừ 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà S đã nộp theo biên lai thu tiền số 07309 ngày 29/4/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Buộc bà Phù S phải chịu án phí giá ngạch 500.000 đồng, khấu trừ 1.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà S đã nộp theo biên lai thu tiền số 07547 ngày 20/8/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Kiên Giang, bà Phù S được nhận lại số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

Buộc ông Ngô Hồng C phải chịu án phí giá ngạch 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng).

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí sơ thẩm NLQ3 đã nộp 500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 06096 ngày 07/11/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí sơ thẩm NLQ2 đã nộp 375.000 đồng theo biên lai thu tiền số 06538 ngày 25/11/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Kiên Giang.

- Án phí phúc thẩm: Buộc ông Ngô Hồng C phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông C đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001634 ngày 19/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Kiên Giang.

7. Về chi phí thẩm định giá: Buộc bà Phù S phải chịu 794.000 đồng, khấu trừ 2.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí thẩm định giá bà S đã nộp, Tòa án nhân dân huyện K phải hoàn trả cho bà S số tiền 1.206.000 đồng (Một triệu hai trăm lẻ sáu ngàn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện K;
- THA dân sự huyện K;
- UBND huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Lâm Sơn